

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2017/HSST
Ngày 29-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dư Mạnh C

Bà Phan Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Đ N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/HSST-QĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Vi Văn Nh (*tên gọi khác: D*), sinh năm 1976; nơi sinh: tỉnh L S; nơi cư trú: thôn N P, xã T C, huyện V Q, tỉnh L S; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Vi Văn Th (*đã chết*) và bà Hoàng Thị B (*sinh năm 1954*); có vợ là Hoàng Thị H (*sinh năm 1977*) và có 02 con (*lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2000*); bị bắt tạm giam ngày 05/5/2017, đang bị tạm giam – Có mặt.

2. Trương Văn P (*tên gọi khác: Th*), sinh năm 1983; nơi sinh: tỉnh L S; nơi cư trú: thôn N R, xã T C, huyện V Q, tỉnh L S; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trương Văn Th (*đã chết*) và bà Hoàng Thị Ch (*sinh năm 1949*); có vợ là Lê Hoài Ph (*sinh năm 1988*) và có 02 con (*lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013*); bị bắt tạm giam ngày 05/5/2017, đang bị tạm giam – Có mặt.

3. Vi Văn M, sinh năm 1982; nơi sinh: tỉnh L S; trú tại: thôn N R, xã T C, huyện V Q, tỉnh L S; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 04/12; con ông Vi Văn N và bà Tôn Thị N (*đều đã chết*); có vợ là Hứa Thị G (*sinh năm 1979*) và có 02 con (*lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2001*); bị bắt tạm giam ngày 06/5/2017, đang bị tạm giam – Có mặt.

4. Hồ Văn L, sinh năm 1974; nơi sinh: tỉnh N A; nơi ĐKKHKT: thôn C K 3, xã C K, huyện K B, tỉnh Đ L; chỗ ở hiện nay: thôn Đ S, xã Đ M, huyện Đ M, tỉnh Đ N; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông Hồ Văn Tr (*sinh năm 1934*) và bà Phan Thị Ph (*sinh năm 1937*); có vợ là Lê Thị H (*sinh*

năm 1975) và có 03 con (*lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2001*); nhân thân: từ tháng 01/2005 đến tháng 06/2005 thực hiện hành vi “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị Toà án nhân dân tỉnh Đ L xử phạt 08 (*tám*) năm tù theo Bản án số 76/2006/HSST ngày 19/4/2006, chấp hành xong hình phạt tù vào năm 2011, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giam ngày 26/4/2017, đang bị tạm giam – Có mặt.

5. Nguyễn Chí C, sinh năm 1982; nơi sinh: tỉnh N B; nơi cư trú: số nhà 84, đường Lê Văn H, phường E T, thành phố Buôn Ma T, tỉnh Đ L; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Quốc T (*sinh năm 1949*) và bà Nguyễn Thị Ng (*sinh năm 1951*); có vợ là Dương Thị Thanh V (*sinh năm 1986*); bị bắt tạm giam ngày 28/4/2017, đang bị tạm giam – Có mặt.

Người bị hại:

1. Anh Võ Mạnh D, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 6, phường Y T, thành phố P, tỉnh G L – Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 5, phường N T, thị xã G N, tỉnh Đ N – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trịnh Hậu H, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn 14, xã N D, huyện C J, tỉnh Đ N – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3/2017, Vi Văn Nh và H (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) thống nhất với nhau là H sẽ tìm người có điều kiện về kinh tế và ham mê đánh bạc rồi nói với Nh để Nh tổ chức đánh bạc gian lận nhằm chiếm đoạt tài sản. Những người chơi đều cùng nhóm với Nh và một người do đã rủ rê được, thủ đoạn là sử dụng các bộ bài “Công ty” (*bài đã làm dấu sẵn để nhận biết các con bài*) để chơi gian lận rồi lấy tiền chia nhau.

Sáng ngày 11/4/2017, khi Nh đang ở L S thì H gọi điện nói đã tìm được người chạy xe dịch vụ ham mê đánh bạc ở G L. Nh nói với Vi Văn M mua bài “Công ty” để vào G L chơi đánh bạc gian lận. Nh gọi điện cho Trương Văn P và nói có “*con mồi*”, P gọi điện cho Phùng Văn B nói B tìm địa điểm, chuẩn bị tiền để đánh bạc gian lận. Hai bên thống nhất số tiền chiếm đoạt được sẽ chia cho nhóm của Nh 60%, B được 40%.

Ngày 13/4/2017, Nh và M đi vào G L và nói P sang G L để gặp. Do chưa mua được được bài “Công ty” nên P nói B làm dấu các con bài. Đến khoảng 8 giờ 30 phút ngày 14/4/2017, Nh, P, M gặp H tại G L, H đưa số điện thoại của anh Võ Mạnh D là người lái xe dịch vụ cho P và thống nhất nếu anh D đồng ý chạy xe thì M và P đi cùng, còn Nh và H sẽ đi xe khách đến Đ L trước. Sau đó, P gọi điện cho anh D hẹn đầu giờ chiều chở P và M đi Đ N, anh D đồng ý và

thỏa thuận giá cả là 2.500.000 đồng. Nh đi xe khách đến huyện C J, tỉnh Đ N và được B đón, đưa về nhà bà Vi Thị B (*thím của B*) còn H đi về huyện Đ M, tỉnh Đ N (*chưa xác định được địa chỉ*). Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P và M có mặt tại nhà bà B. Các đối tượng thống nhất lấy tên giả như sau: B lấy tên L, Nh lấy tên D, P lấy tên Th, M lấy tên Tr.

Trong khi ăn uống tại nhà bà B, B giả vờ gọi điện thoại rồi nói với P mai mới lấy được tiền nên tối nay phải ngủ lại, P nói với anh D cùng ở lại để mai chở P đi B Đ. Do tin tưởng nên anh D ở lại, sau đó nhóm của Nh sử dụng bộ bài đã được đánh dấu sẵn (*bài tú lơ khơ 52 lá có một ô vuông màu đen ở góc trái phía trên và góc phải phía dưới, đánh dấu bằng dao lam*), rủ anh D chơi bài xì lát ăn tiền, mỗi người làm cái 03 ván. Anh D đồng ý chơi và đặt mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, không cầm cái, sau đó thua hết gần 3.000.000 đồng. Để anh D chơi tiếp, P nói trả tiền xe trước cho anh D 2.500.000 đồng. Anh D chơi nhưng vẫn không làm cái nên Nh nói Nh và anh D cùng góp tiền làm cái chung, chỉ còn B, P và M làm con. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, anh D đã thua hết số tiền mang đi và mượn của P 50.000.000 đồng, sau đó cũng thua hết số tiền này. Lúc này, B gọi điện cho anh Trịnh Hậu H đến cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu INOVA, BKS 81A-09212 của anh D để anh D lấy tiền đánh bạc và trả cho P. H rủ Lê C Ng đi cùng đến nhà bà B. Tại đây, H đã đưa cho anh D 05 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng, còn B đưa tiền cho Nh để tiếp tục chơi và giữ chân anh D. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 15/4/2017, anh D thua hết số tiền 200.000.000 đồng thì tất cả nghỉ chơi.

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 15/4/2017, B đưa cho nhóm của Nh 120.000.000 đồng để chia nhau, cụ thể: Nh được 33.000.000 đồng, M được 33.000.000 đồng, H được 30.000.000 đồng, P được 23.000.000 đồng; trả tiền nhà nghỉ 1.000.000 đồng. B được 72.000.000 đồng; B cho H 15.000.000 đồng; cho bà B 11.000.000 đồng (*bà B không thừa nhận*), cho anh D 2.000.000 đồng để đi xe về G L.

Ngoài ra, cuối tháng 3/2017, Trương Văn P được một người bạn tên Th cho số điện thoại của Hồ Văn L. Khoảng 10 ngày sau, P hẹn gặp L tại quán cà phê L G thuộc thị trấn Đ M, huyện Đ M, tỉnh Đ N. Tại đây, P nói L tìm người có điều kiện về kinh tế và ham mê đánh bạc để sử dụng thủ đoạn đánh bạc gian lận nhằm chiếm đoạt tiền của người chơi thì L đồng ý. Cả hai thống nhất như sau: L tìm người chơi, chuẩn bị địa điểm và cùng tham gia đánh bạc, đòi nợ của người chơi thua tiền (*nếu người chơi chưa có tiền trả ngay*). P và Nh chuẩn bị các bộ bài tú lơ khơ 52 lá (*có đánh dấu riêng trên lưng các lá bài*) để nhận biết nhằm Th tiền của người chơi, tiền thu được sẽ chia mỗi bên 50%.

Hồ Văn L gặp và thống nhất với Nguyễn Chí C việc C đi tìm “con mồi” để tổ chức đánh bạc gian lận. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/4/2017, C thuê anh Nguyễn Ngọc H là tài xế của hãng taxi V Đ xuống nhà L và gọi điện báo cho L đã tìm được “con mồi”. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi hát Karaoke, L, Nh, P, C và anh H đi đến thị trấn Đ M để thuê phòng ngủ, C nói anh H chở đi

mua thuốc lá và bài tú lơ khơ. L đưa cho P và Nh mỗi người 5.000.000 đồng để đánh bạc, C mua thuốc lá xong bỏ chung vào 03 bộ bài mà P đã đưa. Sau đó anh H chạy xe chở C tới khách sạn H Đ thuộc thị trấn Đ M, vào phòng số 114 mà nhóm của L đã thuê để đánh bạc. Khi vào khách sạn H Đ, L đưa cho C 5.000.000 đồng rồi C, P, Nh, L ngồi đánh bạc bằng hình thức xì lát, được 05 đến 10 ván thì cả nhóm rủ anh H cùng tham gia. P và Nh chủ động ngồi hai bên trái và phải của anh H để thực hiện thủ đoạn đánh bạc gian lận. C cho anh H ứng tiền thuê taxi 2.000.000 đồng để anh H làm cái đánh bạc bằng hình thức xì lát. P và Nh quan sát 02 lá bài của anh H sau khi anh H chia bài để biết anh H đang cầm trên tay lá bài gì, từ đó Nh và P rút hoặc không rút bài để tới lượt anh H rút bài của anh H sẽ thua. Kết quả anh H thua hết 2.000.000 đồng, tiếp tục mượn C 2.000.000 đồng và bị thua nên mượn thêm 3.000.000 đồng và cũng thua hết. Anh H tiếp tục mượn L 15.000.000 đồng, C bảo lãnh cho anh H vay và nói với L chỉ bảo lãnh cho anh H nợ đến 20.000.000 đồng rồi đi ngủ, còn Nh, P, L tiếp tục đánh bạc với anh H. Sau khi anh H thua hết số tiền này, C nói với L cho anh H mượn thêm tiền, mỗi lần từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, tổng cộng 08 lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó anh H thua hết số tiền đã mượn nên nghỉ không chơi nữa.

Sáng ngày 25/4/2017, L lấy lại của P và Nh số tiền 30.400.000 đồng rồi quay lại khách sạn để gặp anh H và C để lấy tiền. Anh H nghĩ mình bị lừa nên nói dối chiếc xe là của ông chú, anh H chỉ chạy giúp ban đêm, anh H sẽ về nhà lấy Sổ đỏ đi cầm rồi trả tiền cho C và L. C lấy trong túi xách ra tờ giấy đã viết sẵn nội dung vay tiền và bắt anh H phải viết thông tin cá nhân vào giấy vay tiền. Anh H chở C về nhà bạn của C gửi xe ô tô và mượn xe máy chở C vào khu tái định cư xã Đ N, thị xã G N rồi nói C xuống xe đợi anh H vào lấy Sổ đỏ, tuy nhiên anh H không vào nhà mà bỏ chạy và báo cho gia đình để báo C an. C và L dùng điện thoại nhắn tin, gọi điện đe dọa anh H phải trả tiền. Ngày 26/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ N bắt quả tang L đang nhận của anh H số tiền 6.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 Giấy vay tiền có chữ ký của anh Nguyễn Ngọc H đề ngày 01/4/2017 và 01 Giấy vay tiền có chữ ký của anh Nguyễn Ngọc H đề ngày 23/4/2017; 01 chiếu cói hình chữ nhật; 06 bộ bài Double K-2001 được niêm phong, trong đó có một bộ bài đã tiến hành mở niêm phong để kiểm tra; 41 lá bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, một mặt từng lá bài có hoa văn màu xanh và có đánh dấu riêng biệt trên từng lá bài; 02 thanh kim loại rời nhau được nối với nhau bằng 01 dây xích bằng kim loại màu trắng dài 18cm (*dạng côn nhị khúc*); 01 còng số 8 bằng kim loại; 01 B xịt vỏ màu đen; 01 bịch nilon bên trong đựng chất màu vàng, không rõ chất liệu (*đã giám định*); 01 lọ thủy tinh bên trong có chứa chất lỏng; 01 lọ nhựa (*có ghi chữ natri clorid 0,9%*) bên trong có chứa chất lỏng; 03 viên thuốc trong đó 01 viên nén và 02 viên loại con nhộng một đầu vàng, một đầu trắng; số tiền thu giữ được khi bắt quả tang Hồ Văn L đang nhận tiền của anh Nguyễn Ngọc H là 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã thu giữ của Hồ Văn L, Vi Văn Nh, Vi Văn M, Trương Văn P một số điện thoại di động và tiền đồng Việt Nam (có bảng thống kê kèm theo).

Cáo trạng số 52/CTr-VKS (P1) ngày 13/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo Vi Văn Nh, Trương Văn P, Vi Văn M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Chí C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo các điểm a, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra được trình trong hồ sơ vụ án và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo là đúng pháp luật. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai diễn biến vụ án xảy ra phù hợp với lời khai của họ tại Cơ quan Điều tra và phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền tố tụng tội và tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vi Văn Nh, Trương Văn P, Vi Văn M, Hồ Văn L, Nguyễn Chí C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Vi Văn Nh từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù; xử phạt bị cáo Trương Văn P từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù; xử phạt bị cáo Vi Văn M từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù. Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Hồ Văn L từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Về bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vi Văn M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoản tiền các bị cáo chiếm đoạt của anh Võ Mạnh D là 195.000.000 đồng, không phải 200.000.000 đồng như nội dung bản Cáo trạng truy tố.

Người bị hại anh Nguyễn Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Hậu H không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về mặt khách quan của hành vi do các bị cáo gây ra, các bị cáo khai nhận như sau: vào khoảng 20 giờ ngày 14/4/2017, tại nhà bà Vi Thị B thuộc thôn B M, xã E P, huyện C J, tỉnh Đ N, Vi Văn Nh, Trương Văn P và Vi Văn M đã sử dụng thủ đoạn gian dối, dùng bộ bài tú lơ khơ được đánh dấu sẵn để nhận biết, sau đó rủ anh Võ Mạnh D cùng đánh bạc nhằm chiếm đoạt tiền của anh Võ Mạnh D, các bị cáo đã chiếm đoạt của anh D số tiền 200.000.000 đồng. Cũng với thủ đoạn như trên, khoảng 02 giờ 30 phút ngày 25/4/2017, tại khách sạn H Đ thuộc tổ dân phố 11, thị trấn Đ M, huyện Đ M, tỉnh Đ N, Vi Văn Nh, Trương Văn P, Hồ Văn L và Nguyễn Chí C đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Ngọc H số tiền 170.000.000 đồng. Về mặt chủ quan, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Về chủ thể, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Về khách thể, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại được pháp luật bảo hộ.

Đối với ý kiến của bị cáo Vi Văn M cho rằng các bị cáo chỉ chiếm đoạt của anh Võ Mạnh D số tiền 195.000.000 đồng là không có cơ sở, bởi lẽ ngoài số tiền 200.000.000 đồng anh D đã cầm xe ô tô cho anh Trịnh Hậu H thì anh D còn bị thua tất cả số tiền 3.000.000 đồng mang theo và 2.500.000 đồng tiền xe mà P đã trả trước đó. Như vậy, có căn cứ khẳng định tổng số tiền anh D đã thua là 205.500.000 đồng, tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ N chỉ truy tố các bị cáo chiếm đoạt của anh D số tiền 200.000.000 đồng và anh D không có khiếu nại gì nên theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, Hội đồng xét xử xác định số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của anh D là 200.000.000 đồng.

Về tình tiết tăng nặng định khung hình phạt: hành vi của các bị cáo có tính chất đồng phạm, có sự cấu kết chặt chẽ với nhau; các bị cáo cùng bàn bạc kế hoạch cụ thể và phân C nhiệm vụ để thực hiện hành vi phạm tội, do đó thuộc Tr hợp “*Phạm tội có tổ chức*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Vi Văn Nh, Trương Văn P, Vi Văn M đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Chí C đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác...

2. Phạm tội thuộc một trong các Tr hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Có tổ chức;

...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các Tr hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

... ”.

[3]. Về các chứng cứ mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra để buộc tội đối với các bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các vật chứng đã được thu giữ, do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: hành vi phạm tội của các bị cáo Vi Văn Nh, Trương Văn P, Vi Văn M là rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Chí C là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền được bảo hộ về sở hữu tài sản của anh Võ Mạnh D và anh Nguyễn Ngọc H; gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; các bị cáo Nh, P, M đã tự nguyện bồi thường tổng số tiền 79.000.000 đồng cho anh Trịnh Hậu H. Do đó, cần cho các bị cáo Nh, P, M hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; cho các bị cáo L, C hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo phạm tội có tổ chức, do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Nh, P, M; đối với các bị cáo C và L, do đã áp dụng là tình tiết định khung hình phạt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, không áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với các bị cáo. Mặt khác, các bị cáo Nh và P phạm tội hai lần, trong đó có một lần đủ định lượng để truy tố theo khoản 3 Điều 139, một lần đủ định lượng để truy tố theo khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Nh và P.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia; tính chất, mức độ và vai trò của từng bị cáo khác nhau nên cần có sự phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp. Đối với lần phạm tội thứ nhất, các bị cáo chiếm đoạt của anh Võ Mạnh D số tiền 200.000.000 đồng, trong đó Vi Văn Nh là người tổ chức, khởi xướng và cùng

với các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội; Trương Văn P là người thực hành tích cực, trực tiếp liên lạc nhờ Phùng Văn B chuẩn bị địa điểm, tiền để đánh bạc và làm dấu các con bài, trực tiếp liên lạc thuê xe của anh Võ Mạnh D và yêu cầu anh D ở lại để nhóm của Nh thực hiện hành vi đánh bạc gian lận; Vi Văn M là người thực hành với vai trò hạn chế hơn so với P và Nh. Đối với lần phạm tội thứ hai, các bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Ngọc H số tiền 170.000.000 đồng, trong đó Trương Văn P là người tổ chức, chủ động liên lạc với Hồ Văn L để bàn bạc và cùng với Vi Văn Nh chuẩn bị các bộ bài tú lơ khơ đã được đánh dấu sẵn để thực hiện hành vi đánh bạc gian lận; Hồ Văn L là người yêu cầu Nguyễn Chí C tìm đối tượng để đánh bạc và chuẩn bị tiền để phát cho các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc; Nguyễn Chí C là người trực tiếp tìm và đưa ra thông tin gian dối cho anh Nguyễn Ngọc H về việc thuê xe của anh H để nhóm của P thực hiện hành vi đánh bạc gian lận, vai trò của C hạn chế hơn so với các bị cáo khác trong vụ án. Do đó, cần xử phạt bị cáo Nh mức hình phạt cao nhất, lần lượt tới các bị cáo P, M và L, xử phạt bị cáo C mức hình phạt thấp nhất là phù hợp.

[5]. Về bồi thường thiệt hại: Hội đồng xét xử xét thấy, anh Võ Mạnh D đã được nhận lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu INOVA, BKS 81A-09212, tuy nhiên do anh Trịnh Hậu H đã trả số tiền 200.000.000 đồng cho anh D nên cần buộc các bị cáo Nh, P, M phải liên đới bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho anh H, được khấu trừ số tiền 94.000.000 đồng (*trong đó có 79.000.000 đồng các bị cáo đã nộp trước đó và 15.000.000 đồng B đã cho anh H*), các bị cáo phải tiếp tục liên đới bồi thường tổng số tiền 106.000.000 đồng cho anh Trịnh Hậu H, được chia theo phần tương ứng với hành vi của từng bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 Giấy vay tiền đề ngày 01/4/2017 (*bút lục số 504a*) và 01 Giấy vay tiền đề ngày 23/4/2017 (*bút lục số 504*) có chữ ký của anh Nguyễn Ngọc H là chứng cứ của vụ án nên L trong hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với 01 chiếc chiếu cói; 06 bộ bài; 41 lá bài tú lơ khơ; 02 thanh kim loại; 01 cồng số 8; 01 B xít; 01 bịch nilon; 01 lọ thủy tinh; 01 lọ nhựa và 03 viên thuốc (*có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ N*) không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo gồm: bị cáo Nh 4.800.000 đồng, bị cáo P 4.500.000 đồng, bị cáo M 9.050.000 đồng, bị cáo L 1.000.000 đồng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với các điện thoại di động mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung quỹ nhà nước, cụ thể: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của bị cáo Vi Văn Nh; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh của bị cáo Trương Văn P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của bị cáo Vi Văn M; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen của bị cáo Hồ Văn L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng của bị cáo Nguyễn Chí C

(có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ N).

Đối với các vật chứng khác không liên quan đến vụ án nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, cụ thể: anh Nguyễn Ngọc H số tiền 6.000.000 đồng; bị cáo Vi Văn Nh1 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu gold, 01 thẻ ATM, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy, tất cả đều mang tên Vi Văn Nh; bị cáo Trương Văn P 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu gold và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh; bị cáo Vi Văn M 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu gold; bị cáo Hồ Văn L 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đỏ (có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ N).

[7]. Về án phí: Các bị cáo Vi Văn Nh, Trương Văn P, Vi Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Chí C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vi Văn Nh, Trương Văn P, Vi Văn M, Hồ Văn L, Nguyễn Chí C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; các điểm a, g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Vi Văn Nh 09 (*chín*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trương Văn P 08 (*tám*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Vi Văn M 07 (*bảy*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.3. Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Hồ Văn L 04 (*bốn*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/4/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Vi Văn Nh, Trương Văn P, Vi Văn M phải liên đới bồi thường cho anh Trịnh Hậu H số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*), được trừ số tiền 94.000.000đ (*chín*

mười bốn triệu đồng), các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 106.000.000đ (một trăm lẻ sáu triệu đồng), chia theo phần: bị cáo Vi Văn Nh bồi thường 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng), bị cáo Trương Văn P bồi thường 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), bị cáo Vi Văn M bồi thường 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không tự nguyện thi hành các khoản bồi thường trên thì hàng tháng các bị cáo phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm a, đ khoản 2 khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003:

3.1. Thu giữ 01 Giấy vay tiền đề ngày 01/4/2017 (bút lục số 504a) và 01 Giấy vay tiền đề ngày 23/4/2017 (bút lục số 504) có chữ ký của anh Nguyễn Ngọc H để L hồ sơ vụ án.

3.2. Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc chiếu cói; 06 bộ bài; 41 lá bài tứ lơ khơ; 02 thanh kim loại; 01 cồng số 8; 01 bình xịt; 01 bịch nilon; 01 lọ thủy tinh; 01 lọ nhựa và 03 viên thuốc.

3.3. Tiếp tục tạm giữ 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) của bị cáo Vi Văn Nh, 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Trương Văn P, 9.050.000đ (chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Vi Văn M, 1.000.000đ (một triệu đồng) của bị cáo Hồ Văn L để đảm bảo cho việc thi hành án.

3.4. Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của bị cáo Vi Văn Nh; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh của bị cáo Trương Văn P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của bị cáo Vi Văn M; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen của bị cáo Hồ Văn L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng của bị cáo Nguyễn Chí C.

3.5. Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc H 6.000.00đ (sáu triệu đồng); trả lại cho bị cáo Vi Văn Nh 1 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu gold, 01 thẻ ATM, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy, tất cả đều mang tên Vi Văn Nh; trả lại cho bị cáo Trương Văn P 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu gold và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh; trả lại cho bị cáo Vi Văn M 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu gold; trả lại cho bị cáo Hồ Văn L 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đỏ (tất cả các vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ N).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 98, khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Buộc bị cáo Vi Văn Nh phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Buộc bị cáo Trương Văn P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Buộc bị cáo Vi Văn M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.4. Buộc các bị cáo Hồ Văn L và Nguyễn Chí C phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đ N;
- CQ CSĐT-CA tỉnh Đ N;
- P. HSNVCS CA tỉnh Đ N;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ N;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đ N;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- L hồ sơ vụ án;
- L Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ

